

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	12			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1			
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Ban hành không đúng thời gian quy định hoặc không ban hành: 0 điểm</i>				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC : (1) xác định đầy đủ nhiệm vụ, sát với thực tế của cơ quan, đơn vị, (2) phân công trách nhiệm rõ ràng, (3) có kết quả, sản phẩm cụ thể, (4) thời hạn hoàn thành, (5) bố trí kinh phí triển khai	1			
	<i>Đầy đủ nội dung, đảm bảo chất lượng: 1 điểm</i>				
	<i>Mỗi nội dung của kế hoạch không đảm bảo trừ 0.2 điểm trong tổng số điểm</i>				
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1			
	<i>Đánh giá theo công thức $b/a \cdot \text{điểm tối đa}$.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch;</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.</i> <i>Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0 điểm</i>				
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất	2			
	<i>Báo cáo đầy đủ về CCHC: 1 điểm</i>				
	<i>Báo cáo đầy đủ về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính: 1 điểm</i>				
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	1			
	<i>Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0.5 điểm</i>				
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác 0.5 điểm</i>				
1.4	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	2			
1.4.1	Sáng kiến giải pháp CCHC mới được UBND tỉnh công nhận (Có quyết định của UBND tỉnh công nhận giải pháp, sáng kiến về CCHC trong năm)	1			
	<i>Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên về công tác CCHC: 1 điểm</i>				
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 điểm</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.4.2	Sáng kiến, giải pháp CCHC mới được cấp cơ sở (UBND cấp xã) công nhận và phải được được Hội đồng thẩm chí số CCHC của Tỉnh đánh giá, chấp nhận có tính mới, áp dụng rộng rãi	1			
	<i>Có 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên về công tác CCHC: 1 điểm</i>				
	<i>Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới về công tác CCHC 0.5 điểm;</i>				
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 điểm</i>				
1.5	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức theo quy định	1			
	<i>- Thực hiện định kỳ (hàng quý/6 tháng/năm): 0.5 điểm</i>				
	<i>- Ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn: 0.5 điểm</i>				
	<i>- Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
1.6	Phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ CCHC (công tác phối hợp, khắc phục sau kiểm tra, báo cáo chuyên đề...)	1			
	<i>Đầy đủ, kịp thời: 1 điểm</i>				
	<i>Không đầy đủ, không kịp thời: 0 điểm</i>				
1.7	Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh giao	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1 \text{ điểm} + (c/a) * 0.5 \text{ điểm}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao</i> <i>b là số nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng tiến độ</i> <i>c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ</i>				
1.8	Hiệu lực việc triển khai các chỉ đạo, điều hành của đơn vị về CCHC	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo quản lý thông qua phiếu khảo sát
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	11			
2.1	Theo dõi, thi hành pháp luật	2			
2.1.1	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	0,5			
	<i>Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định: 0.5 điểm</i>				
	<i>Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành chậm: 0 điểm</i>				
2.1.2	Thực hiện các hoạt động về theo dõi, thi hành pháp luật	0,5			
	<i>Có thực hiện: 0.5 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>				
2.1.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5			
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0.5 điểm				
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0 điểm</i>				
2.1.4	Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	0,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Ban hành báo cáo kịp thời, có số liệu đầy đủ, chính xác theo quy định: 0.5 điểm				
	Ban hành báo cáo không kịp thời hoặc có số liệu không đầy đủ, không chính xác theo quy định: 0				
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1,5			
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5			
	Có ban hành: 0.5 điểm				
	Không ban hành: 0 điểm				
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5			
	Hoàn thành từ 80% đến 100% nhiệm vụ của kế hoạch thì đánh giá theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm				
2.2.3	Xử lý văn bản QPPL sau rà soát	0,5			
	Đầy đủ, đúng thời gian: 0.5 điểm				
	Có xử lý nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian: 0.25 điểm				
	Không xử lý: 0 điểm				
2.3	Tổ chức triển khai và tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	2			
2.3.1	Tổ chức thực hiện VBQPPL do cấp trên ban hành	0,5			
	100 % văn bản QPPL do cấp trên ban hành được tổ chức triển khai thực hiện: 0.5 điểm				
	Dưới 100 % văn bản QPPL do cấp trên ban hành được tổ chức triển khai thực hiện: 0 điểm				
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	0,5			
	Có ban hành thì đánh giá là: 0.5 điểm				
	Không ban hành thì đánh giá là: 0 điểm				
2.3.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	0,5			
	Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				
2.3.4	Xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0,5			
	Tính điểm theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra; b là số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.				
	Không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý: 0				
2.4	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	0,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<i>Tính điểm theo công thức (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số văn bản cần xử lý b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa</i>				
2.5	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật	1			
	<i>Ban hành văn bản (kế hoạch, công văn hướng dẫn tuyên truyền): 0.5 điểm</i>				
	<i>Tuyên truyền bằng hình thức khác: tổ chức hội nghị, hội thảo, hội thi, sân khấu hóa...): 0.5 điểm</i>				
2.6	Tính đồng bộ, thống nhất của các VBPL do địa phương ban hành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
2.7	Tính hợp lý của các VBPL do địa phương ban hành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
2.8	Tính khả thi của các VBPL do địa phương ban hành	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
2.9	Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBPL tại địa phương	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13,5			
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	3			
3.1.1	Ban hành kế hoạch Kiểm soát TTHC theo quy định	1			
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Ban hành không đúng thời gian quy định hoặc không ban hành: 0 điểm</i>				
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1			
	<i>Đánh giá theo công thức: $b/a \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0 điểm</i>				
3.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, năm về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên hệ Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (baocaochinhphu.gov.vn)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ nội dung, đúng thời hạn quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ, báo cáo chậm hạn so với quy định: 0 điểm</i>				
3.2	Công khai họ tên, chức danh, số điện thoại của người đứng đầu, cấp phó và công chức được cử đến làm việc tại bộ phận một cửa	1			
	<i>Công khai đầy đủ, đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không công khai hoặc công khai không đầy đủ: 0 điểm</i>				
3.3	Niêm yết công khai TTHC, kết quả giải quyết TTHC	1			
	100% TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết được công khai, đầy đủ, kịp thời trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị: 0.5 điểm				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	100% kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết được công khai đầy đủ, kịp thời trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị: 0.5 điểm				
	Không công khai TTHC, kết quả giải quyết TTHC: 0 điểm				
3.4	Công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	1,5			
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	0,5			
	Thực hiện đúng quy định: 0.5 điểm				
	Không thực đúng quy định: 0 điểm				
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	0,5			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số PAKN phải trả lời b là số kiến nghị đã được trả lời Trường hợp tỷ lệ $a=0$ thì đạt điểm tối đa				
3.4.3	Công khai kết quả xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0,5			
	100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai: 0.5 điểm				
	Dưới 100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai: 0 điểm				
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2			
3.5.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	1			
	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường đưa vào thực hiện: 1 điểm				
	Dưới 100% số lượng TTHC của UBND xã, phường đưa vào thực hiện: 0 điểm				
3.5.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa của cấp xã theo danh mục được phê duyệt	1			
	Từ 80% đến 100% số TTHC thì đánh giá theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC ngành dọc được phê duyệt; b là số TTHC ngành dọc đã thực hiện tiếp nhận.				
	Dưới 80% số TTHC: 0 điểm				
3.6	Kết quả giải quyết TTHC	1			
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn Đánh giá theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm; b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.98$ thì điểm đánh giá bằng 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.7	Thực hiện việc xin lỗi (văn bản, gắn file pdf xin lỗi đối với từng trường hợp hồ sơ bị chậm, quá hạn trên Hệ thống cổng dịch vụ công Quốc gia) người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,5			
	Đầy đủ, đúng quy định: 0.5 điểm				
	Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 điểm				
3.8	Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức	0,5			
	Không có công chức vi phạm, không có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu: 0.5 điểm				
	Có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu (đã qua xác minh): 0 điểm				
3.9	Tính hiệu quả thực hiện việc phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
3.10	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
3.11	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của đơn vị	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	12			
4.1	Thực hiện các quy định của pháp luật về sắp xếp tổ chức bộ máy	5			
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã	1			
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1 điểm				
	Chưa thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0				
4.1.2	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp xã thành lập.	1			
	Thực hiện đúng quy định: 1 điểm				
	Không đúng quy định: 0 điểm				
4.1.3	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại UBND cấp xã	1			
	Thực hiện đúng quy định: 1 điểm				
	Không đúng quy định: 0 điểm				
4.1.4	Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã theo quy định	1			
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1 điểm				
	Thực hiện chưa đầy đủ: 0.5 điểm				
	Chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0 điểm				
4.1.5	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp xã	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2			
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<i>Sử dụng đúng biên chế hành chính được giao: 1 điểm</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0 điểm</i>				
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của UBND cấp xã, phường	1			
	<i>Sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao: 1 điểm</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0 điểm</i>				
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	3			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>				
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước đã được UBND tỉnh phân cấp cho địa phương	1			
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>				
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì đánh giá là: 1 điểm</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì đánh giá là: 0 điểm</i>				
4.4	Đánh giá tác động đến tổ chức bộ máy hành chính	2			
4.4.1	Tính kịp thời trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
4.4.2	Tính kịp thời và hiệu quả trong việc phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp xã	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	13			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2,5			
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị	0,5			
	<i>Đầy đủ, kịp thời: 0.5 điểm</i>				
	<i>Chưa đầy đủ, kịp thời thì đánh giá là: 0 điểm</i>				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0,5			
	<i>Đánh giá theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số cơ quan, đơn vị hiện có; b là số cơ quan, đơn vị đã thực hiện bố trí. □</i>				
5.1.3	Xây dựng bảng mô tả công việc, khung năng lực theo từng vị trí việc làm của viên chức theo Danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt	0,5			
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ: 0.5 điểm</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không đúng tiến độ: 0 điểm</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
5.1.4	Tính hợp lý trong việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm tại đơn vị	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5.2	Tuyển dụng, bố trí sử dụng, quản lý công chức, viên chức	2			
5.2.1	Thực hiện đúng quy trình, quy định về sử dụng, bố trí công chức tại cơ quan chuyên môn UBND cấp xã	1			
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>				
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1			
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>				
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại cơ quan hành chính, ĐVSNCN trực thuộc	0,5			
	100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương, lãnh đạo ĐVSNCN được bổ nhiệm đúng quy định và gửi hồ sơ hậu kiểm theo hướng dẫn thì điểm đánh giá là: 0.5 điểm				
	Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương, lãnh đạo ĐVSNCN được bổ nhiệm đúng quy định hoặc không gửi hồ sơ hậu kiểm bổ nhiệm thì điểm đánh giá là: 0 điểm				
5.4	Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý của UBND cấp xã	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	3			
5.5.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hằng năm của UBND cấp xã	1			
	<i>Ban hành kịp thời: 1 điểm</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời: 0 điểm</i>				
5.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1			
	Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được phê duyệt trong kế hoạch; b là số nhiệm vụ đã thực hiện.				
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>				
5.5.3	Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5.6	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	2			
5.6.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	1			
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
5.6.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1			
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1 điểm. Trường hợp còn lại: 0 điểm.</i>				
5.7	Năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
5.8	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1			Thực hiện đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	11,5			
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3			
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm	1			
	<i>Từ 80% đến 100% thì đánh giá theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch; b là số tiền đã giải ngân. Dưới 80 % thì đánh giá: 0 điểm</i>				
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiểm nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1			
	<i>Từ 80% đến 100% thì tính theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp ngân sách nhà nước; b là số tiền đã nộp ngân sách nhà nước. Dưới 80 % thì đánh giá: 0 điểm</i>				
6.1.3	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước (NSNN)	1			
	<i>Không có sai phạm: 1</i>				
	<i>Có sai phạm: 0</i>				
6.2	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	3			
6.2.1	Báo cáo kết quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1			
	<i>Có báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền: 1 điểm</i>				
	<i>Không có báo cáo: 0 điểm</i>				
6.2.2	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và lao động hợp đồng	1			
	<i>Thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm: 1 điểm</i>				
	<i>Không có thu nhập tăng thêm: 0 điểm</i>				
6.2.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
6.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1			
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1 điểm</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm</i>				
6.4	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	1,5			
6.4.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,75			
	<i>Có ban hành: 0.75 điểm</i>				
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>				
6.4.2	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0,75			
	<i>Có kiểm tra: 0.75 điểm</i>				
	<i>Không kiểm tra: 0 điểm</i>				
6.5	Thực hiện chế độ báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	1			
	<i>Có báo cáo theo đúng nội dung, đầy đủ mẫu biểu và đảm bảo thời gian quy định của cơ quan có thẩm quyền: 1 điểm</i>				
	<i>Không có báo cáo hoặc báo cáo chậm: 0 điểm</i>				
6.6	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
6.7	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
7	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	11			
7.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số	1			
	<i>Có ban hành: 1 điểm</i>				
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>				
7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>				
7.3	Số lượng văn bản đến tồn chưa duyệt trên hệ thống	1			
	<i>Từ 100 văn bản trở xuống tồn chưa duyệt trên hệ thống: 1 điểm</i>				
	<i>Trên 100 - 200 văn bản tồn chưa duyệt trên hệ thống: 0.5 điểm</i>				
	<i>Trên 200 văn bản tồn chưa duyệt trên hệ thống: 0</i>				
7.4	Tỷ lệ văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) đi được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử và được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i> <i>Tổng số văn bản (trừ văn bản mật theo quy định)</i> <i>b Tổng số lượng văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) đi/ đến được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.5	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1			
	<i>Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo quy định (100%): 1 điểm</i>				
	<i>Không hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo quy định: 0 điểm</i>				
7.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của đơn vị; b là số hồ sơ trực tuyến toàn trình</i>				
7.7	Thực hiện thanh toán trực tuyến	2			
7.7.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là tổng số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>				
7.7.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là tổng số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>				
7.8	Tính hiệu quả của việc ứng dụng CNTT tại UBND xã, phường	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
7.9	Tính kịp thời, đầy đủ, thuận tiện của việc cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND xã, phường	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
7.10	Mức độ thuận tiện và dễ sử dụng trong việc truy cập, khai thác dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia	1			Thực hiện đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát
8	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức	16			Điều tra xã hội học
	TỔNG ĐIỂM	100			
	Trong đó:				
	- Điểm tự đánh giá: 62 điểm;				
	- Điểm đánh giá cán bộ, lãnh đạo, quản lý thông qua phiếu khảo sát: 22 điểm;				
	- Điểm đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức: 16 điểm.				